

Gia Lai, ngày tháng 5 năm 2026

BẢN ĐÁNH GIÁ

Thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, bảo đảm bình đẳng giới, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong dự thảo Quyết định quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiến hành đánh giá Thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, bảo đảm bình đẳng giới, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong dự thảo Quyết định quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Kết quả như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Ngày 31/01/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 49/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai (có hiệu lực từ ngày 31/01/2026), theo đó, một số quy định về trình tự, thủ tục trong lĩnh vực đất đai được quy định tại Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025, Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ và một số quy định liên quan đã hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực thi hành.

- Tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định:

"Điều 14. Phân cấp thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện trong lĩnh vực đất đai

"1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, chấp thuận về việc thỏa thuận nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án, chấp thuận, phê duyệt phương án sử dụng đất".

- Tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định:

"1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai để thực hiện các trường hợp quy định tại Điều 14 của Nghị định này chậm

nhất đến ngày 01 tháng 7 năm 2026, bảo đảm cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo quy định; trong đó quy định rõ trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền trong các bước thực hiện trình tự, thủ tục, thời gian tối đa thực hiện trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ phải nộp, trong đó có giấy tờ chứng minh đối tượng được miễn, giảm nghĩa vụ tài chính (nếu có), các mẫu thực hiện thủ tục phải quy định các thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai. Trong thời gian chưa ban hành quy định về trình tự, thủ tục hành chính về đất đai quy định tại khoản này thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục hành chính về đất đai theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành hoặc quyết định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai đối với từng trường hợp cụ thể.”

Ngày 05/3/2026, UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 05/03/2026 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Theo đó tại điều 3 quy định:

“Điều 3. Áp dụng trình tự, thủ tục hành chính về đất đai

Thực hiện theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định số 49/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đến khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về trình tự, thủ tục hành chính về đất đai quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ.”

Do đó, để bảo đảm cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo quy định; trong đó quy định rõ trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền trong các bước thực hiện trình tự, thủ tục, thời gian tối đa thực hiện trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ phải nộp, trong đó có giấy tờ chứng minh đối tượng được miễn, giảm nghĩa vụ tài chính (nếu có), các mẫu thực hiện thủ tục phải quy định các thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Mục đích, yêu cầu đánh giá

Việc giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định trình tự thực hiện thủ tục hành chính đặt ra yêu cầu đánh giá chặt chẽ mức độ đơn giản hóa trên cơ sở chuẩn hóa, minh bạch và khả năng tiếp cận của người dân, doanh nghiệp. Cần xác định rõ tiêu chí thành phần hồ sơ, thời gian xử lý, hạn chế khâu trung gian và loại bỏ quy định chồng chéo. Đồng thời, phải bảo đảm tính thống nhất với quy định của pháp luật, tăng cường giám sát, kiểm tra và ứng dụng công nghệ số để kiểm soát hiệu quả việc thực thi, tránh phát sinh thủ tục mới không cần thiết. Mục đích cụ thể:

- Đánh giá sự cần thiết, tính hợp pháp, tính hợp lý của các thủ tục hành chính quy định trong dự thảo Quyết định.

- Đánh giá việc phân quyền, phân cấp trong dự thảo theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP.

- Xác định chi phí tuân thủ thủ tục hành chính để làm cơ sở tính toán, so sánh.

- Đánh giá các nội dung về ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá thủ tục hành chính

1.1. Số lượng, tên thủ tục hành chính quy định trong dự thảo Quyết định

Dự thảo Quyết định quy định tổng số 36 thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới, cụ thể:

- Số lượng TTHC: 36 thủ tục.

- Tên TTHC quy định trong Dự thảo Quyết định:

STT	Tên thủ tục hành chính
1.	Trình tự, thủ tục thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai quy định tại Điều 81 Luật Đất đai
2.	Trình tự thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất, có nguy cơ đe dọa tính mạng con người, không còn khả năng tiếp tục sử dụng quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 82 Luật Đất đai
3.	Trình tự thu hồi đất đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật Đất đai
4.	Trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng
5.	Trình tự thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất đối với phần diện tích còn lại không thỏa thuận được của dự án sử dụng đất thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất quy định tại điểm b khoản 2 và điểm d khoản 13 Điều 3 của Nghị quyết số 254/2025/QH15
6.	Trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ tái định cư quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 và khoản 2 Mục I Phụ lục của Nghị định số 49/2026/NĐ-CP
7.	Trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất và trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng
8.	Trình tự, thủ tục chuyển hình thức sử dụng đất
9.	Trình tự, thủ tục điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất

10.	Trình tự, thủ tục giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở
11.	Trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển
12.	Trình tự, thủ tục để tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư mà không đề xuất thu hồi đất quy định tại điểm c khoản 1 Điều 127 của Luật Đất đai
13.	Trình tự, thủ tục gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất
14.	Trình tự, thủ tục điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất theo dự án đầu tư theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị quyết số 254/2025/QH15
15.	Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất
16.	Trình tự, thủ tục sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích
17.	Trình tự, thủ tục góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai để thực hiện dự án đầu tư
18.	Trình tự, thủ tục tách thửa đất, hợp thửa đất
19.	Trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất
20.	Trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài
21.	Trình tự, thủ tục đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được giao đất để quản lý
22.	Trình tự, thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết thời hạn sử dụng đất
23.	Trình tự, thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
24.	Trình tự, thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp
25.	Trình tự, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đã cấp do bị mất
26.	Trình tự, thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông
27.	Trình tự, thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản

28.	Trình tự, thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định
29.	Trình tự, thủ tục đăng ký đất đai đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất
30.	Giải quyết đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận
31.	Trình tự, thủ tục đính chính Giấy chứng nhận đã cấp
32.	Trình tự, thủ tục thu hồi, hủy Giấy chứng nhận đã cấp và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất sau khi thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp
33.	Hủy kết quả đăng ký biến động trên Giấy chứng nhận đã cấp
34.	Trình tự, thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với toàn bộ diện tích đất đang sử dụng quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP
35.	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu bằng phương tiện điện tử
36.	Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất bằng phương tiện điện tử

- Thủ tục hành chính hiện hành được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính hiện hành được bãi bỏ: Không có.

1.2. Đánh giá sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp

a) Sự cần thiết:

Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ đã trao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm quyền và trách nhiệm ban hành trình tự, thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp theo Điều 14 của Nghị định. Thời hạn ban hành chậm nhất là ngày 01/7/2026. Hiện nay, các trình tự, thủ tục do Chính phủ quy định tại các Nghị định số 101/2024/NĐ-CP, 102/2024/NĐ-CP, 151/2025/NĐ-CP, 226/2025/NĐ-CP liên quan đến thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP đã hết hiệu lực thi hành, tạo khoảng trống pháp lý trong thực thi tại địa phương. Việc ban hành Quyết định là cấp thiết, đáp ứng ngay nhu cầu của người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

b) Tính hợp pháp:

Dự thảo Quyết định được xây dựng trên cơ sở pháp lý: Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung); Nghị định số 101/2024/NĐ-CP, Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, Nghị định số 226/2025/NĐ-CP, Nghị định số 49/2026/NĐ-CP, Nghị định số 50/2026/NĐ-CP, Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội, Nghị định số 147/2026/NĐ-CP của Chính phủ. Dự thảo không quy định vượt thẩm quyền, không trái với quy định của văn bản quy phạm pháp luật cấp trên. Nội dung dự thảo phù hợp với khoản 1 Điều 15 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP về thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Tính hợp lý:

- Về thành phần hồ sơ: Dự thảo quy định thành phần hồ sơ bảo đảm nguyên tắc không yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp lại tài liệu mà cơ quan nhà nước đã có hoặc có thể tra cứu qua hệ thống thông tin; các biểu mẫu được chuẩn hóa thống nhất toàn tỉnh (Phụ lục ban hành kèm theo dự thảo).

- Về thời gian giải quyết: Thời gian giải quyết từng thủ tục được quy định rõ ràng, cụ thể, bảo đảm tính khả thi và đáp ứng yêu cầu cắt giảm so với quy định cũ. Đối với các xã miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Gia Lai, thời gian được bổ sung thêm 10 ngày làm việc bảo đảm tính thực tế.

- Về thủ tục: Dự thảo thủ tục hành chính mới gồm 36 thủ tục; không yêu cầu thêm thành phần hồ sơ so với quy định của Trung ương; không phát sinh yêu cầu, điều kiện mới đối với cá nhân, tổ chức.

- Về phí, lệ phí: Dự thảo quy định việc thu phí, lệ phí theo đúng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật về phí, lệ phí, không phát sinh khoản thu mới.

(Chi tiết đánh giá từng thủ tục hành chính thực hiện theo Biểu mẫu số 01/ĐGTD-BHM ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12/12/2025 của Bộ Tư pháp, gửi kèm.)

1.3. Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính

Lượng hóa các chi phí xã hội mà đối tượng thực hiện thủ tục hành chính phải bỏ ra để tuân thủ các quy định về thủ tục hành chính, bao gồm: chuẩn bị hồ sơ, nộp hồ sơ, phí và lệ phí (nếu có), nhận kết quả. Các yếu tố này được cân đối trên cơ sở hướng tới giảm gánh nặng cho cá nhân, tổ chức nhưng vẫn đạt được mục tiêu quản lý nhà nước về đất đai. Việc cắt giảm các bước trung gian, cho phép nộp hồ sơ trực tuyến và ứng dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ toàn trình sẽ góp phần giảm đáng kể chi phí tuân thủ của người dân và doanh nghiệp.

(Kèm theo Biểu mẫu số 04/ĐGTD-SCM ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12/12/2025 của Bộ Tư pháp.)

2. Việc phân quyền, phân cấp

a) Sự cần thiết:

Nghị định số 49/2026/NĐ-CP và Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ đã phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh và cấp xã), trong đó chuyển giao nhiều thẩm quyền quan trọng trong lĩnh vực đất đai từ Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xuống Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Việc phân cấp, phân quyền này là tất yếu trong bối cảnh cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy nhà nước theo chủ trương của Đảng và Nhà nước.

b) Nội dung phân quyền, phân cấp trong dự thảo:

- Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; quyết định thu hồi đất; phê duyệt phương

án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư; phê duyệt phương án sử dụng đất; xem xét, chấp thuận cho tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.

- Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: Tiếp nhận hồ sơ, thẩm tra, xét duyệt và giải quyết các thủ tục về đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; thực hiện các trình tự thu hồi đất trong phạm vi địa bàn; thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo ủy quyền.

- Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp tỉnh và cấp xã: Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp giải quyết các thủ tục theo thẩm quyền.

c) Điều kiện bảo đảm thực hiện:

Dự thảo Quyết định quy định rõ trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Thuế tỉnh Gia Lai, Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính; xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan trong từng bước của quy trình.

d) Kiểm tra, giám sát sau phân quyền, phân cấp:

Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra định kỳ và đột xuất việc thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai tại Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp phát sinh vướng mắc, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để được hướng dẫn.

3. Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Dự thảo Quyết định có các quy định tạo thuận lợi cho việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, cụ thể:

a) Về thúc đẩy dịch vụ công trực tuyến:

Tại điểm d khoản 2 Điều 4, Điều 45, 46 của dự thảo Quyết định quy định việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Theo đó, các thủ tục hành chính về đất đai được triển khai theo hướng tăng cường nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh Gia Lai và Cổng dịch vụ công quốc gia, phù hợp với lộ trình chuyển đổi số quốc gia.

b) Về cơ sở dữ liệu đất đai:

Việc triển khai dự thảo Quyết định gắn liền với việc xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Gia Lai, trong đó dữ liệu địa chính được cập nhật, chia sẻ liên thông giữa Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan Thuế tỉnh và Trung tâm Phục vụ hành chính công. Điều này giúp giảm thời gian xử lý, hạn chế sai sót và tạo điều kiện tra cứu thông tin đất đai thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

c) Về các yêu cầu nguồn lực:

Để thực hiện hiệu quả các quy định về chuyển đổi số trong dự thảo, đòi hỏi phải bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ từ tỉnh đến xã; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức vận hành phần mềm quản lý đất đai; đảm bảo an toàn thông tin trong quá trình lưu trữ và xử lý dữ liệu đất đai. Tỉnh Gia Lai đã có nền tảng nhất định về hạ tầng kỹ thuật số, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai.

4. Việc bảo đảm bình đẳng giới

Các quy định trong dự thảo Quyết định không phân biệt đối xử về giới trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ liên quan đến đất đai, cụ thể:

- Dự thảo không có bất kỳ quy định nào giới hạn quyền của phụ nữ hay nam giới trong việc thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai. Các đối tượng áp dụng được xác định theo tư cách pháp lý (hộ gia đình, cá nhân, tổ chức) mà không phân biệt giới tính.

- Dự thảo phù hợp với nguyên tắc bình đẳng giới quy định tại Luật Bình đẳng giới, Luật Đất đai năm 2024 và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Đối tượng hưởng chính sách giao đất ở tại Thủ tục số 04 bao gồm đồng đều cả nam và nữ trong các nhóm cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương từ ngân sách nhà nước và cá nhân thường trú tại xã chưa có đất ở, không phân biệt giới tính.

- Các mẫu đơn, tờ khai trong Phụ lục kèm theo dự thảo Quyết định thiết kế theo hướng trung lập về giới, phù hợp với mọi đối tượng thực hiện thủ tục hành chính.

Đánh giá: Dự thảo Quyết định bảo đảm yêu cầu bình đẳng giới; không có quy định tạo ra sự phân biệt đối xử hoặc bất bình đẳng về cơ hội, điều kiện và năng lực thụ hưởng quyền lợi giữa nam và nữ trong lĩnh vực đất đai.

III. KẾT LUẬN

Dự thảo Quyết định quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Gia Lai:

1. Đáp ứng yêu cầu về sự cần thiết, tính hợp pháp, tính hợp lý; không phát sinh thủ tục hành chính mới, không tăng thành phần hồ sơ, không phát sinh chi phí không cần thiết cho người dân và doanh nghiệp.

2. Bảo đảm tính thống nhất trong phân quyền, phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính về đất đai giữa cấp tỉnh và cấp xã theo đúng Nghị định số 49/2026/NĐ-CP và Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.

3. Thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, dịch vụ công trực tuyến, chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính về đất đai.

4. Bảo đảm bình đẳng giới; không có quy định phân biệt đối xử về giới tính trong thực hiện quyền và nghĩa vụ liên quan đến đất đai./.